**BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2023-2024**

**MÔN: TOÁN - LỚP 8**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/Chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiểm thức** | **Mức độ đánh giá** | | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | | | | | |
| **NB** | | **TH** | | **VD** | | **VDC** | | |
| 1 | Hằng đẳng thức đáng nhớ và ứng dụng | Hằng đẳng thức đáng nhớ và Phân tích đa thức thành nhân tử | **Vận dụng:**  - Vận dụng được các hằng đẳng thức để phân tích đa thức thành nhân thức ở dạng: vận dụng trực tiếp hằng đẳng thức, vận dụng hằng đẳng thức thông qua nhóm hạng tử và đặt nhân tử chung. | |  | |  | |  | | 2  TN  (11)  TL  Bài 4  0.75 đ | | |
| 2 | Phân thức đại số | Khái niệm phân thức đại số, Tính chất cơ bản của phân thức đại số | **Nhận biết:**   * Nhận biết được các khái niệm cơ bản về phân thức đại số: định nghĩa; điều kiện xác định; giá trị của phân thức đại số; hai phân thức bằng nhau. * Mô tả được những tính chất cơ bản của phân thức đại số. | | 4  TN  (1;2;5)  TL Bài 2- (2a)  1.0 đ | |  | |  | |  | | |
| Các phép tính cộng, trừ, nhân, chia của phân thức đại số | **Thông hiểu:**   * Thực hiện được các phép tính: phép cộng, phép trừ, phép nhân, phép chia đối với hai phân thức đại số. | |  | | 1  TL Bài 2- (2b)  0,5 đ | |  | |  | | |
| 3 | Phương trình bậc nhất và hàm số bậc nhất | Phương trình bậc nhất một ẩn. Giải bài toán bằng cách lập phương trình | **Nhận biết:**   * Hiểu được khái niệm phương trình bậc nhất một ẩn | | 3  TN  (6;7)  TL  Bài 1 -(1a)  1.0 đ | |  | |  | |  | | |
| **Thông hiểu:**   * Hiểu được khái niệm phương trình bậc nhất một ẩn và cách giải. | |  | | 1  TL Bài 2 - (1)  0.75 đ | |  | |  | | |
| **Vận dụng:**  -Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với phương trình bậc nhất | |  | |  | | 1  TL Bài 1  - (2)  1.25 đ | |  | | |
| Khái niệm hàm số và đồ thị hàm số. Hàm số bậc nhất và đô thị của hàm số bậc nhất. | **Nhận biết:**  - Nhận biết được khái niệm hàm số bậc nhất, dạng đồ thị hàm số bậc nhất; khái niệm hệ số góc của đường thẳng | | 2  TN  (3;4)  0.5đ | |  | |  | |  | | |
| **Thông hiểu:**  - Thiết lập được bảng giá trị của hàm số bậc nhất  - Sử dụng được hệ số góc của đường thẳng để nhận biết và giải thích được sự cắt nhau, song song của hai đường thẳng cho trước. | |  | | 1  TL Bài 2 – (1)  0.75 đ | |  | |  | | |
| 4 | Tứ giác - định lí Thalès trong tam giác | Hình chữ nhật  Định lí Thalès trong tam giác | **Nhận biết:**  - Biết được định lí Thalès trong tam giác ( định lí thuận và đảo). | | 1  TN  (9)  0.25 đ | |  | |  | |  | | |
| **Thông hiểu:**  - Giải thích được tứ giác là một hình chữ nhật dựa vào dấu hiệu nhận biết.  - Giải thích được định lí Thalès trong tam giác ( định lí thuận và đảo) và tính được độ dài đoạn thẳng vào bài toán thực tế. | |  | | 1  TL Bài 3 – (1)  1.0 đ | |  | |  | | |
| **Vận dụng :**  - Tính được độ dài đoạn thẳng. | |  | |  | |  | | 1  TN  (12)  0.25 đ | | |
| 5 | Tam giác đồng dạng | Trường hợp đồng dạng của hai tam giác  Định lí Pythagore và ứng dụng | **Nhận biết:**  - Mô tả được định nghĩa của hai tam giác đồng dạng.  - Tỉ số đồng dạng của 2 tam giác  - Mô tả được định lý Pythagore. | | 3  TN  (8;10)  TL  Bài 3  -(2.a)  1.25 đ | |  | |  | |  | | |
| **Thông hiểu:**  - Giải thích được các trường hợp đồng dạng của hai tam giác, của hai tamgiácvuông.  - Tính được độ dài cạnh trong tam giác vuông bằng cách sử dụng định lí Pythagore. | |  | |  | | 1  TL  (Bài 3-(2.b)  0.75 đ | |  | | |
| **Tổng** | | |  | **13** | | **4** | | **2** | | **3** | | |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **40%** | | **30%** | | **20%** | | **10%** | | |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **70%** | | | | **30%** | | | |